
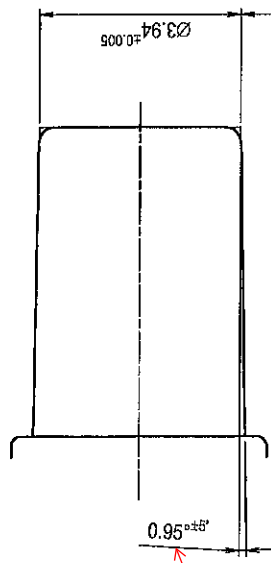


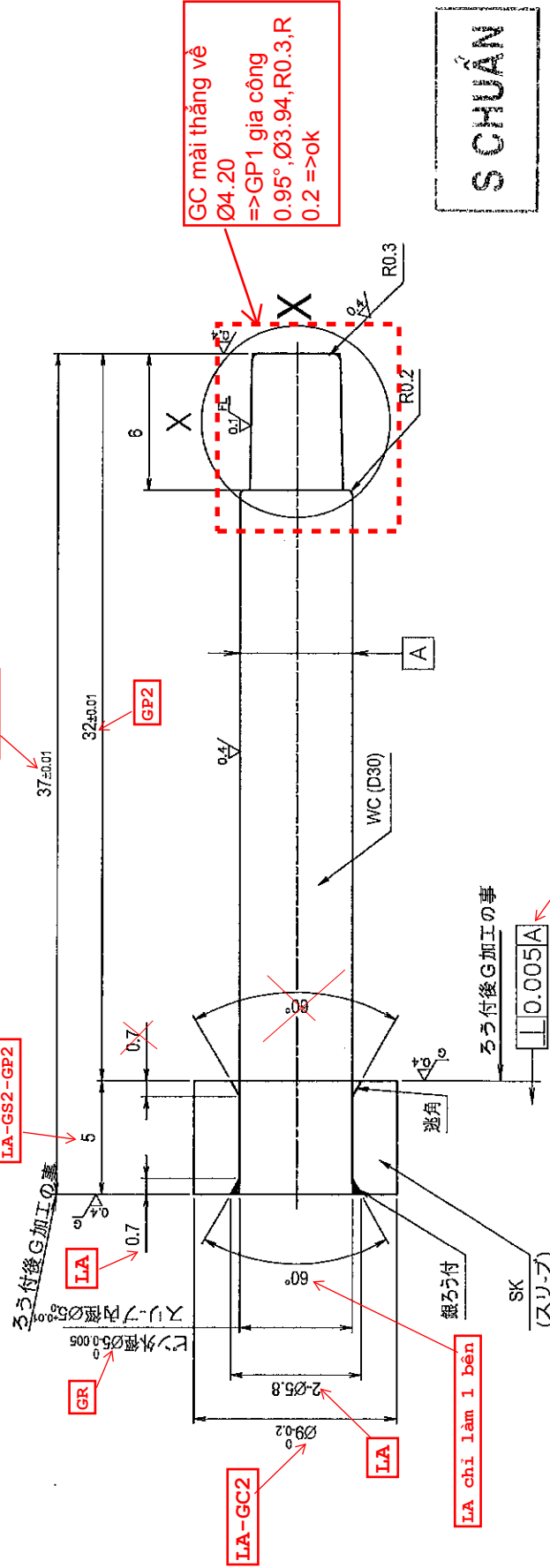
414 311 067

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2015/02/11			Hg 30μ legal	Hg 0.04 μmg	0.5 μ, ± 6, ± 0.1
△						0 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES UNLESS OTHERWISE
						FINISH MARKS
						$\sqrt[1.6]{\frac{0.4}{G}} \sqrt[0.1]{\frac{F_3}{F_2}}$

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Ho_Shou_Hsuan	Hsu_Chen_Feng	部品図	サイジングペン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	SIZING PIN
HRC 0°~0°		部品図	整形銷
MATERIAL	DATE	部品図	整形銷
SK+WC(D30)	2015/02/11		DWG.No.
			S947753



Chỉ kiểm tra 1
điểm cách mặt
đầu 1 mm

$$X^{(10:1)}$$


LA chỉ làm 1 bên

1. 鋸ろう付けは次の材を料使用の事
SBフラックスF-6SBL 東芝タンガロイ
鋸ろう棒 $\phi 1.6 \times 1800$ 日本エテク
2. ろう付け面をよく清掃後、必要温度まで加熱し、十分な強度を確保の事

2515

SNO: **S947753**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø6*60 SKS2 Ø10*10	